

# BỘ MẮNG ĐÈN TUÝP T8 - ĐÈN BÁN NGUYỆT

**nanoco**

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## BỘ MẮNG ĐÈN T8



\* Bóng đèn đạt tiêu chuẩn Hiệu suất năng lượng và dán nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)

### BỘ MẮNG ĐÈN T8 THỦY TINH

\* Chất liệu: thân măng đèn kim loại dày 0.3mm, đầu măng loại gấp tiện dụng, bóng đèn thủy tinh phủ sơn bột trắng

\* Độ sáng cao: 115-120Lm/W  
\* Thiết kế truyền thống dễ dàng lắp đặt và thay thế



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Loại đơn (1 bóng)<br>(Mã măng + Mã bóng) | Đóng gói<br>(bộ/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|------------------------------------------|------------------------|-------------|
| NT8F1106    | 10W/220V                          | 1200                   | Trắng 6500K  | 35 x 618 x 18                  | NT8F106 + NT8T106                        | 15                     | 125.000     |
| NT8F1103    |                                   | 1150                   | Vàng 3000K   |                                | NT8F106 + NT8T103                        |                        |             |
| NT8F1206    | 20W/220V                          | 2400                   | Trắng 6500K  | 35 x 1228 x 18                 | NT8F112 + NT8T206                        | 15                     | 163.000     |
| NT8F1203    |                                   | 2250                   | Vàng 3000K   |                                | NT8F112 + NT8T203                        |                        |             |
| NT8F1406    | 40W/220V                          | 4000                   | Trắng 6500K  | 35 x 1228 x 18                 | NT8F112 + NT8T406                        | 15                     | 187.000     |
| NT8F1403    |                                   | 4000                   | Vàng 3000K   |                                | NT8F112 + NT8T403                        |                        |             |

### BỘ MẮNG ĐÈN T8 THỦY TINH BỌC NHỰA

\* Chất liệu: thân măng đèn kim loại dày 0.3mm, bóng đèn thủy tinh có bọc nhựa PET giúp bóng đèn bền và an toàn

\* Độ sáng cao: 95-100Lm/W  
\* Thiết kế truyền thống dễ dàng lắp đặt và thay thế



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Loại đơn (1 bóng)<br>(Mã măng + Mã bóng) | Đóng gói<br>(bộ/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|------------------------------------------|------------------------|-------------|
| NT8F109N6   | 9W/220V                           | 900                    | Trắng 6500K  | 43.5 x 620 x 18.5              | NT8F109N + NT8T0961                      | 15                     | 147.000     |
| NT8F109N3   |                                   | 860                    | Vàng 3000K   |                                | NT8F109N + NT8T0931                      |                        |             |
| NT8F118N6   | 18W/220V                          | 1800                   | Trắng 6500K  | 43.5 x 1230 x 18.5             | NT8F118N + NT8T1861                      | 15                     | 206.000     |
| NT8F118N3   |                                   | 1750                   | Vàng 3000K   |                                | NT8F118N + NT8T1831                      |                        |             |

## ĐÈN BÁN NGUYỆT

\* Chất liệu: Nhựa PC nguyên khối

\* Sử dụng LED Seoul Semiconductor



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NSHE206     | 20W/220V                          | 2000                   | Trắng 6500K      | 600 x 60 x 28                  | 10                      | 160.000     |
| NSHE204     |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSHE203     |                                   |                        | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NSHE406     | 40W/220V                          | 4000                   | Trắng 6500K      | 1200 x 60 x 28                 | 10                      | 230.000     |
| NSHE404     |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSHE403     |                                   |                        | Vàng 3000K       |                                |                         |             |



\* Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm sơn trắng, đầu đèn nhựa ABS, chóa nhựa trắng PC  
\* Ứng dụng nhiều trong chiếu sáng gia đình, phòng khách, trường học, nhà xưởng, bệnh viện, ngoài ra với thiết kế sang trọng, hiện đại đèn cũng được ưa chuộng trong trang trí như chiếu sáng showroom, khách sạn, văn phòng làm việc...

\* Sản xuất tại Việt Nam  
\* Sử dụng LED Bridgelux

| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NSHV186     | 18W/220V                          | 1800                   | Trắng 6500K      | 600 x 75 x 30                  | 10                      | 199.000     |
| NSHV184     |                                   | 1800                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSHV183     |                                   | 1710                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NSHV366     | 36W/220V                          | 3600                   | Trắng 6500K      | 1200 x 75 x 30                 | 10                      | 320.000     |
| NSHV364     |                                   | 3600                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSHV363     |                                   | 3420                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NSHV456     | 45W/220V                          | 4500                   | Trắng 6500K      | 1200 x 75 x 30                 | 10                      | 340.000     |
| NSHV454     |                                   | 4500                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSHV453     |                                   | 4275                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |

\* Chất liệu: Khung đèn nhôm màu trắng, chóa nhựa PC



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NSH0206     | 20W/220V                          | 2000                   | Trắng 6500K      | 600 x 61 x 31                  | 10                      | 202.000     |
| NSH0204     |                                   | 2000                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSH0203     |                                   | 1820                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NSH0406     | 40W/220V                          | 4000                   | Trắng 6500K      | 1200 x 61 x 31                 | 10                      | 328.000     |
| NSH0404     |                                   | 4000                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSH0403     |                                   | 3630                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NSH0606     | 60W/220V                          | 6600                   | Trắng 6500K      | 1200 x 86 x 30                 | 10                      | 410.000     |
| NSH0604     |                                   | 6600                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSH0603     |                                   | 6000                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |

\* Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm màu bạc, đầu đèn nhựa ABS, chóa nhựa trắng PC



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NSH186      | 18W/220V                          | 1600                   | Trắng 6500K      | 600 x 75 x 27                  | 10                      | 249.000     |
| NSH184      |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSH183      |                                   |                        | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NSH366      | 36W/220V                          | 3000                   | Trắng 6500K      | 1200 x 75 x 27                 | 10                      | 425.000     |
| NSH364      |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSH363      |                                   |                        | Vàng 3000K       |                                |                         |             |